

Bản án số: 279/2020/DS-PT

Ngày: 16-7-2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Liên Anh

Ông Mai Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hương, Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 292/2020/TLPT-DS ngày 11/6/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 19/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện H.Đ.3., thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 313/2020/QĐ-PT ngày 22/6/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đ.T.S1., sinh năm 1955 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn 9, xã H.T., thành phố B.M.T., tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền: Bà V.T.L2., sinh năm 1963; Địa chỉ: Khu 5 phường T.V., thị xã P.T., tỉnh P.T. (vắng mặt).

Bị đơn: Bà C.T.Y3., sinh năm 1965 (có mặt);

Trú tại: Thôn Đ.L1., xã Đ.L2., huyện H.Đ.3., thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan:

1. Ông N.P.P4., sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn Đ.L1., xã Đ.L2., huyện H.Đ.3., thành phố Hà Nội (vắng mặt);

2. Ông N.T.L5., sinh năm 1941; Địa chỉ: Thôn 9, xã H.T., thành phố B.M.T., tỉnh Đ.L. (vắng mặt);

Do có kháng cáo của bà C.T.Y3. là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

*** *Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên toà nguyên đơn trình bày:***

Bà Đ.T.S1. với bà C.T.Y3. quen nhau qua mạng xã hội, đầu năm 2019 bà Y3. cần tiền để mua đất và sắt thép nên có nhờ bà S1. vay tiền, bà S1. đồng ý và 6 lần chuyển tiền cho bà Y3. vay, cụ thể:

Lần 1: Ngày 30/01/2019 bà S1. chuyển cho bà Y3. số tiền 40.000.000đ.

Lần 2: Ngày 18/02/2019 bà S1. chuyển cho bà Y3. số tiền 100.200.000đ.

Lần 3: Ngày 20/02/2019 bà S1. chuyển cho bà Y3. số tiền 60.000.000đ.

Lần 4: Vào ngày 14/02/2019 bà S1. chuyển tiền cho bà Y3. số tiền là 30.000.000đ.

Lần 5: Ngày 16/02/2019 bà S1. chuyển cho bà Y3. số tiền 50.000.000đ.

Lần 6: Ngày 27/02/2019 bà S1. chuyển tiền bà Y3. số tiền 40.000.000đ.

Tổng cộng 6 lần bà S1. chuyển cho bà Y3. vay số tiền là 320.200.000đ (Ba trăm hai mươi triệu hai trăm nghìn đồng).

Trước khi bà S1. cho bà Y3. vay tiền thì bà Y3. nói chỉ vay chậm nhất là 1 tháng, lãi suất 6%/tháng.

Hết thời hạn vay bà Y3. không trả cho bà S1. tiền gốc và lãi nên nhiều lần bà S1. đòi bà Y3. thì bà Y3. đã trả cho bà S1. làm 5 lần tổng số tiền 88.000.000đ (Tám mươi tám triệu đồng) cụ thể lần 1 vào tháng 3/2019 số tiền 3.000.000đ, lần 2 vào tháng 4/2019 số tiền 5.000.000đ, lần 3 vào ngày 20/5/2019 số tiền 50.000.000đ, lần thứ 4 vào ngày 12/9/2019 số tiền 20.000.000đ, lần thứ 5 vào ngày 31/10/2019 số tiền 10.000.000đ.

Trong tổng số tiền bà Y3. đã trả cho bà S1., bà S1. đề nghị trừ vào tiền lãi theo lãi suất ngân hàng là 1%/tháng tính từ tháng 02 đến tháng 12/2019 số tiền là 35.200.000đ (Ba mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng), số tiền còn lại là 52.800.000đ (Năm mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng) trừ vào tiền gốc.

Nay bà S1. đề nghị bà Y3. phải trả số tiền gốc là 267.200.000đ (Hai trăm sáu mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh từ tháng 01/2020 mỗi tháng 1% cho đến khi bà Y3. thanh toán xong cho bà S1. số tiền gốc nêu trên.

Số tiền bà S1. cho bà Y3. vay là tiền của riêng bà S1., không liên quan đến chồng bà.

*** *Tại bản tự khai, quá trình tố tụng, bị đơn trình bày:*** Bà biết bà Đ.T.S1. qua mạng xã hội. Việc bà S1. cho bà vay tiền và chuyển cho bà 6 lần tiền là 320.200.000đ (Ba trăm hai mươi triệu hai trăm nghìn đồng) như bà S1. trình bày là đúng. Khi vay bà có thỏa thuận thời hạn vay là 1 tháng, khi bán được đất thì bà sẽ trả gốc và hoa hồng. Do bà S1. yêu cầu trả lãi 6%/tháng nên giữa bà và bà S1.

bất bình và mâu thuẫn với nhau, sau 1 tháng bà không bán được đất và hiện nay bà vẫn chưa bán được đất nên không có tiền trả cho bà S1. theo cam kết ban đầu.

Sau nhiều lần bà S1. yêu cầu bà trả tiền, bà đã trả cho bà S1. số tiền theo bà S1. khai là 88.000.000đ (Tám mươi tám triệu đồng), toàn bộ số tiền này bà đề nghị trừ vào số tiền gốc, tiền lãi bà sẽ trả sau. Về số tiền lãi bà S1. yêu cầu bà phải trả 1%/tháng bà nhất trí. Giấy biên nhận ngày 19/6/2019 là tổng hợp của 2 giấy trả tiền trước đó chứ giấy này không thể hiện việc bà đã trả tiền lãi cho bà S1..

Nay bà thừa nhận còn nợ bà S1. số tiền gốc là 232.000.000đ (Hai trăm ba mươi hai triệu đồng) và tiền lãi tính từ khi vay sau khi đối trừ số tiền đã trả hàng tháng số tiền lãi bà phải trả bao nhiêu thì bà sẽ trả cho bà S1..

Số tiền này bà sẽ trả cho bà S1. vào nhiều lần, cụ thể: vào cuối tháng 2/2020 bà trả 70.000.000đ.

Tháng 4/2020 bà trả số tiền 30.000.000đ.

Từ tháng 5/2020 mỗi tháng bà trả cho bà S1. 30.000.000đ cho đến khi hết số tiền gốc và tiền lãi.

Toàn bộ số tiền bà vay của bà S1. bà dùng để làm ăn buôn bán riêng không liên quan gì đến chồng con nên chồng bà và các con bà không có trách nhiệm trả nợ cho bà S1..

Vì hiện nay bà đang điều trị bệnh nên bà không có tiền để trả ngay cho bà S1..

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phầm, ông Liên đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có ý kiến, quan điểm về việc giải quyết vụ án.***

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 19/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện H.Đ.3., Hà Nội đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Đ.T.S1. đối với bà C.T.Y3..

2. Buộc bà C.T.Y3. phải trả cho bà Đ.T.S1. số tiền nợ gốc là 265.376.000đ (Hai trăm sáu mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

***Quyền yêu cầu thi hành án:**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, bà C.T.Y3. là bị đơn trong vụ án kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xuất trình “Lệnh thanh toán lệnh có” của ngân hàng Agribank chứng minh việc bà S1. chuyển 40.000.000đ cho bà Y3. vào ngày 28/01/2020 và đề nghị Tòa án bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo: Bà thừa nhận vay của bà Y3. 320.200.000 đồng, và trình bày trong số 88.000.000 đồng bà chuyển trả bà S1. trong đó có cả tiền lãi và tiền gốc. Tuy nhiên bà không xác định trả được bao nhiêu tiền là gốc, bao nhiêu là tiền lãi; Nay do khó khăn, bà đề nghị bà S1. không tính lãi số tiền nợ gốc nói trên.

Các đương sự không thỏa thuận được cách giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ kiện, đại diện VKS nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 19/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện H.Đ.3., thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn bà C.T.Y3. kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo nên về hình thức là hợp lệ.

Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đ.T.S1. và bị đơn bà C.T.Y3. có mặt; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông N.P.P4., ông N.T.L5. vắng mặt.

Xét thấy: Tòa án triệu tập hợp lệ những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, tại phiên tòa phúc thẩm bà Y3. và bà S1. trình bày chồng bà Y3. (ông Phẩm); chồng bà S1. (ông Liên) vì lý do sức khỏe không đến tham dự phiên tòa được và đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Về nội dung:

Do có quan hệ bạn bè trên mạng, bà S1. cho bà Y3. tổng số tiền là 320.200.000 đồng. Bà S1. gửi tiền cho bà Y3. làm 06 lần; lần đầu vào ngày 30/01/2019 lần cuối cùng là ngày 27/02/2019 và hẹn miệng sau một tháng bà Y3. sẽ trả. Sau 1 tháng, bà Y3. không trả nợ đúng hẹn, nên ngày 19/6/2019 bà Y3. đã viết giấy vay nợ cho bà S1. số tiền 320.000.000 đồng thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày 19/6/2029 không lãi suất.

Quá trình vay nợ, các đương sự cùng thừa nhận, bà Y3. đã trả cho bà S1. tổng số tiền là 88.000.000đ (Tám mươi tám triệu đồng), bà S1. đề nghị trừ vào tiền lãi theo lãi suất ngân hàng là 1%/tháng tính từ cuối tháng 02/2019 đến tháng 3/2020 số tiền là 33.716.000đ (Ba mươi ba triệu, bảy trăm mười sáu nghìn đồng) số tiền còn lại là 54.824.000 đồng (Năm mươi tư triệu, tám trăm hai mươi tư nghìn đồng) trừ vào tiền gốc. Bà Y3. đề nghị trừ toàn bộ số tiền này vào số tiền gốc, còn tiền lãi sẽ trả sau.

Nay bà S1. đề nghị bà Y3. phải trả số tiền gốc là 267.200.000đ (Hai trăm sáu mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh từ tháng 3/2019 đến khi xét xử sơ thẩm mỗi tháng 1% cho đến khi bà Y3. thanh toán xong cho bà S1. số tiền gốc nêu trên.

Như vậy giao dịch về việc bà S1. cho bà Y3. vay 320.200.000đồng là có thật và có giá trị pháp lý, đồng thời giao dịch này phát sinh nghĩa vụ dân sự (nghĩa vụ trả nợ số tiền còn lại của bà Y3. đối với bà S1.). Bà S1. khởi kiện yêu cầu bà Y3. phải trả nợ số tiền vay là có căn cứ nên được chấp nhận theo quy định tại các Điều 116, 117, 163, 164 và Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về yêu cầu tính lãi: Hội đồng xét xử xét thấy, tuy theo giấy vay nợ lập ngày 19/6/2019, các bên đương sự không thể hiện khoản vay có lãi, xong tại các Biên bản hòa giải, Biên bản đối chất tại Tòa án, bà Y3. nhất trí trả tiền lãi của khoản vay là 1% tháng theo yêu cầu của bà S1., tại phiên tòa phúc thẩm bà Y3. thừa nhận trong số 88.000.000 đồng bà chuyển trả bà S1. trong đó có cả tiền lãi và tiền gốc. Ngoài ra khi giao kết vay tài sản các bên thỏa thuận sau một tháng bà Y3. phải thanh toán số tiền gốc nhưng đến hạn bà Y3. đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu tính lãi của bà S1. là 1%/1 tháng từ tháng 3/2019 đến tháng 19/3/2020 tổng là 33.716.000 đồng. Số tiền còn lại là 54.824.000đồng đã trả được trừ vào tiền nợ gốc là 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng). Bà Y3. còn phải trả cho bà S1. số tiền nợ gốc là 265.376.000đ (Hai trăm sáu mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) được chấp nhận.

Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S1.; Buộc bà C.T.Y3. phải trả cho bà Đ.T.S1. số tiền nợ gốc là 265.376.000đ (Hai trăm sáu mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi sáu ngàn đồng) là phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp bà Y3. chậm thực hiện nghĩa vụ với bà S1. thì bà Y3. còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS 2015.

Từ những căn cứ trên không chấp nhận kháng cáo của bà C.T.Y3. và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H.Đ.3..

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm nên bà Y3. phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 465, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26; Điều 29; Điều 35; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 19/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện H.Đ.3., Hà Nội. Cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Đ.T.S1. đối với bà C.T.Y3..

2. Buộc bà C.T.Y3. phải trả cho bà Đ.T.S1. số tiền nợ gốc là 265.376.000đ (Hai trăm sáu mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Bà C.T.Y3. phải chịu 13.268.000đ (Mười ba triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà C.T.Y3. phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0009607 ngày 11/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.Đ.3., thành phố Hà Nội.

- Hoàn trả bà Đ.T.S1. 6.575.000đ (Sáu triệu năm trăm bảy mươi năm nghìn đồng) dự phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0009363 ngày 09/12/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND huyện H.Đ.3.
- Chi cục THADS huyện H.Đ.3.;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Anh